

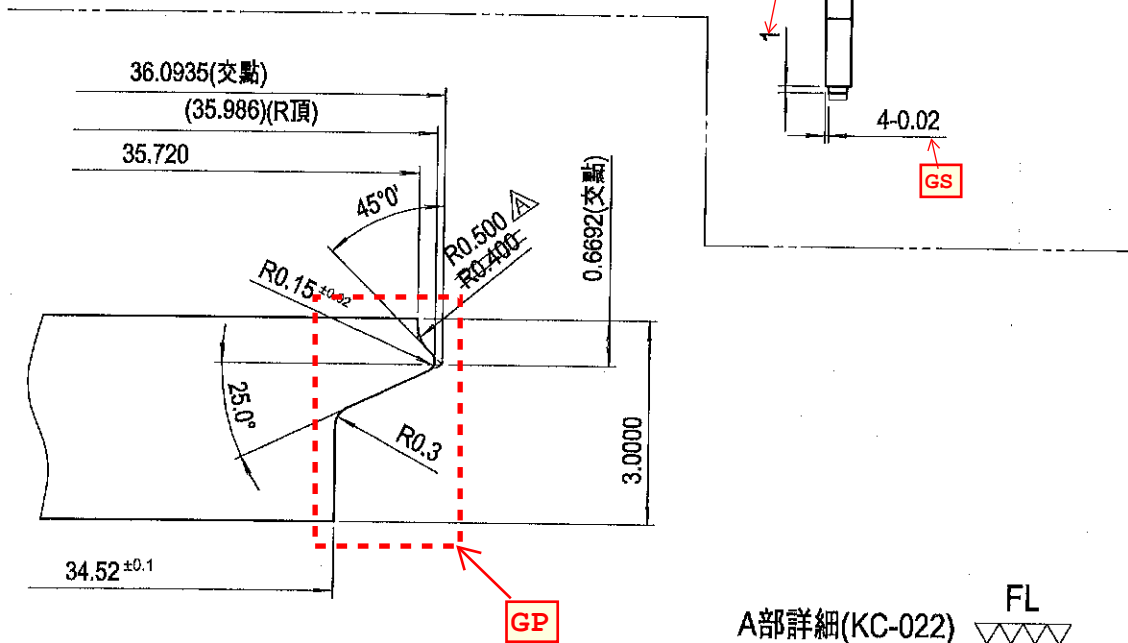
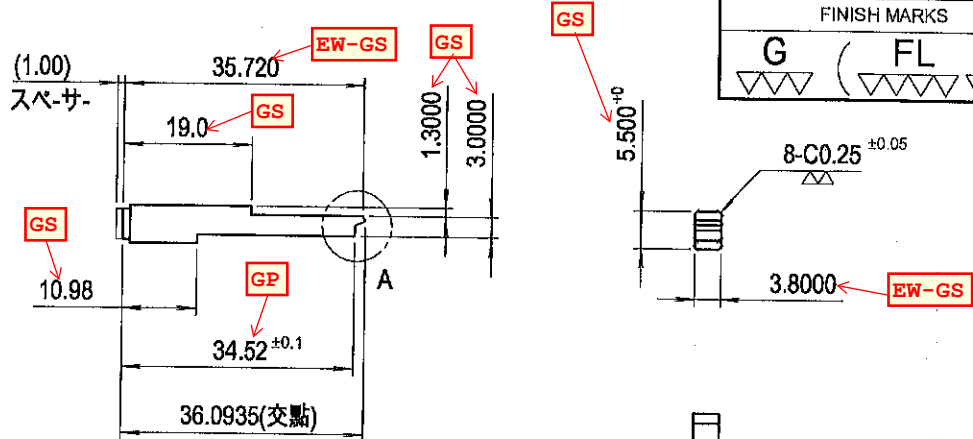
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.						0.0000	± 0.002	0.000 ⁺⁰ ₋₀	+0 -0.005
△a	2012/08/10	ヒビ割れ対策(S809438-3868065)	1-YNM-12-08-241	Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	0.000	± 0.005	0.000 ⁺⁰ ₋₀	+0 -0.005
△						0.00	± 0.01	0.00 ⁺⁰ ₋₀	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 ⁺⁰ ₋₀	+0.01 -0
						0.	± 0.2	0.0 ⁺⁰ ₋₀	+0 -0.1
								0.0 ⁺⁰ ₋₀	+0.1 -0

EW ra phôi: T6*4.3*36.2

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

G (FL)



A部詳細(KC-022) FL

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	部品図		曲げパンチ	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		BEND PUNCH	
HRC		部品図		彎曲沖頭	
		部品図		弯曲冲头	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
WC(D30/HIP)	2012/08/16	1:1 (10/1)		S868065	

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

SNO: **S868065**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T6*5.5*38	EW1:35 GS:150 GP:90 AF:20 KT